

Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam,  
Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, và  
Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Tây Ninh  
với sự hỗ trợ tài chính của Danida

**Điều tra nhanh khu hệ chim và thú tại  
Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát và  
Rừng Phòng hộ Chàng Riệp,  
tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

**Andrew W. Tordoff,  
Phạm Trọng Ảnh,  
Lê Mạnh Hùng,  
Nguyễn Đình Xuân  
và  
Trần Khắc Phục**

*Đây là một báo cáo kỹ thuật trong khuôn khổ dự án Cải thiện Công tác Quy hoạch Bảo tồn thông qua Tăng cường Năng lực Thể chế tại Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam do Danida tài trợ*

Hà Nội, tháng Ba năm 2002

# Mục lục

<b><u>1. Giới thiệu</u></b>	<b>1</b>
<u>1.1 Mục đích của chuyến điều tra</u>	1
<u>1.2 Vùng nghiên cứu</u>	1
<u>1.3 Nhật trình điều tra</u>	1
<b><u>2. Mô tả vùng</u></b>	<b>2</b>
<u>2.1 Lò Gò - Sa Mát</u>	2
<u>2.2 Chàng Riệc</u>	3
<b><u>3. Khu hệ chim</u></b>	<b>5</b>
<u>3.1 Phương pháp</u>	5
<u>3.2 Kết quả</u>	5
<u>3.3. Kết luận</u>	11
<b><u>4. Khu hệ thú</u></b>	<b>13</b>
<u>4.1. Phương pháp</u>	13
<u>4.2. Kết quả</u>	13
<u>4.3. Kết luận</u>	15
<b><u>5. Kiến nghị</u></b>	<b>16</b>
<u>5.1. Lò Gò - Sa Mát</u>	16
<u>5.2 Chàng Riệc</u>	17
<b><u>Tài liệu tham khảo</u></b>	<b>18</b>
<b><u>Phụ lục 1: Danh lục các loài chim</u></b>	<b>20</b>
<b><u>Phụ lục 2: Danh lục các loài thú</u></b>	<b>25</b>
<b><u>Phụ lục 3: Danh lục mẫu các loài lưỡng thê và bò sát</u></b>	<b>27</b>

## **Lời cảm ơn**

Báo cáo này là một phần kết quả của dự án *Tăng cường thể chế, năng lực quy hoạch bảo tồn tại Campuchia, Lào và Việt Nam* được tài trợ bởi Danida. Nhân dịp này Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật mong muốn được bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc tới Danida và Đại sứ quán Vương Quốc Đan Mạch tại Hà Nội đã hỗ trợ tài chính cho dự án.

Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn Ông Huỳnh Văn Nghiệp, Giám đốc Ông Nguyễn Hoàng - Phó Giám đốc và Bà Lê Thị Hận - phó Giám đốc Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Tây Ninh; Ông Lý Văn Trợ - Giám đốc, Ông Tùng - Phó giám đốc và Ông Sơn - cán bộ Ban Quản lý Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát; Ông Dương Văn Tư, Ban Quản lý Khu Di Trung ương cục Miền Nam đã tạo mọi điều kiện, giúp đỡ đoàn nghiên cứu hoàn thành tốt công việc trong quá trình khảo sát.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn TS Trần Triết, khoa Sinh học Đại học Khoa học Tự nhiên Tp Hồ Chí Minh đã tích cực tham gia và đóng góp những ý kiến quý báu cho đoàn điều tra.

Và cuối cùng các tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành tới GS. TSKH Vũ Quang Côn, TS Lê Xuân Cảnh và TS Nguyễn Cử, điều phối viên dự án đã hết lòng giúp đỡ lo lắng mọi thủ tục có liên quan để đợt khảo sát thành công tốt đẹp.

## 1. Giới thiệu

Báo cáo này trình bày kết quả điều tra nhanh khu hệ chim và thú tại Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát và Rừng Phòng hộ Chàng Riệp, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam do Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật (IEBR) Hà Nội, hợp tác với Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Tây Ninh tiến hành trong khuôn khổ của dự án *Cải thiện Công tác Quy hoạch Bảo tồn thông qua Tăng cường Năng lực Thể chế tại Cam-pu-chia, Lào và Việt Nam* do Danida tài trợ.

### 1.1 Mục đích của chuyến điều tra

Mục đích của việc điều tra nhanh khu hệ thú và chim nhằm đánh giá hai khu Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát và Rừng Phòng hộ Chàng Riệp có đủ đáp ứng các tiêu chí để trở thành một Vùng Chim Quan trọng (IBA) hay không. IBA là các vùng được đánh giá là có tầm quan trọng quốc tế đối với công tác bảo tồn chim nếu thỏa mãn các tiêu chí đã được công nhận bởi cộng đồng quốc tế. Các IBA không chỉ quan trọng đối với các loài chim mà trên thực tế cũng là nơi rất quan trọng đối với sự sống còn của nhiều nhóm động thực vật khác.

Mục tiêu riêng của chuyến điều tra này là:

- thu thập dữ liệu về tình trạng và phân bố của các loài chim tại Lò Gò - Sa Mát và Chàng Riệp, đặc biệt là thông tin về các loài bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu và các loài có vùng phân bố hẹp;
- thu thập dữ liệu về tình trạng và phân bố của các loài thú tại Lò Gò - Sa Mát và Chàng Riệp, đặc biệt là thông tin về các loài bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu;
- đánh giá các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học và cơ hội bảo tồn tại Lò Gò - Sa Mát và Chàng Riệp.

### 1.2 Vùng nghiên cứu

Vùng nghiên cứu bao gồm hai khu vực khá tách biệt: Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát và Rừng Phòng hộ Chàng Riệp. Cả hai khu này đều nằm ở huyện Tân Biên phía bắc tỉnh Tây Ninh và dọc theo biên giới quốc tế với Cam-pu-chia.

### 1.3 Nhật trình điều tra

8-10/10/2001	Di chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh
11-19/10/2001	Điều tra tại Lò Gò - Sa Mát
20-22/10/2001	Điều tra tại Chàng Riệp
23/10/2001	Di chuyển về thị xã Tây Ninh
24-27/10/2001	Di chuyển về Hà Nội

## 2. Mô tả vùng

### 2.1 Lò Gò - Sa Mát

Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát (11°19' - 11°40'N và 105°49' - 105°59'E) nằm trên địa phận các xã Tân Bình, Tân Lập và Hòa Hiệp, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Lò Gò - Sa Mát đã từng được liệt kê trong Quyết định 194/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ngày 9/8/1986, trong đó xác định đây là một khu bảo tồn thiên nhiên với diện tích 10.000 ha (Bộ NNPTNT, 1997). Tuy nhiên, năm 1996, khi Phân viện Điều tra Quy hoạch Rừng thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch đầu tư cho vùng (kế hoạch đầu tư này đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt năm 1997) lại đề xuất thành lập ở đây một khu văn hóa lịch sử có diện tích 16.754 ha (BirdLife International và FIPI 2001). Do vậy, hiện trạng của vùng đến nay vẫn không rõ ràng: vùng đã được quyết định là một khu bảo tồn thiên nhiên nhưng hiện đang được bảo vệ như một khu văn hóa lịch sử. Chính vì vậy, trong cáo cáo này, Rừng Lò Gò - Sa Mát được gọi là khu đặc dụng mà không nêu chính xác phân hạng của khu vực.

Ban Quản lý Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát đã được thành lập năm 1997 dưới sự quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tây Ninh (Sở NNPTNT). Hiện tại ban quản lý có 60 cán bộ đóng tại 14 trạm gác.

Ranh giới phía nam và phía đông của khu đặc dụng là các vùng đất nông nghiệp và khu dân cư. Phía bắc và phía tây của khu đặc dụng có ranh giới là đường lộ cặp biên giới quốc tế với Cam-pu-chia cách sâu khoảng 1 km vào phía lãnh thổ Việt Nam. Dải đất giữa đường lộ và biên giới quốc tế hiện tại đang thuộc sự quản lý của các đồn biên phòng.

Khu vực Lò Gò - Sa Mát là dạng khảm của các sinh cảnh rừng nửa rụng lá và rừng rụng lá trên đất thấp (là kiểu rừng do phát triển trên đất nghèo và điều kiện thủy văn khắc nghiệt, thường còi cọc và không đóng tán), các khoảnh rừng thường xanh dọc theo các sông suối và rừng tràm (BirdLife International và FIPI 2001). Khu vực này cũng có hàng loạt các kiểu sinh cảnh đất ngập nước bao gồm các vùng đồng cỏ ngập nước theo mùa (tiếng địa phương gọi là *trảng*) và các hồ ngập nước thường xuyên (tiếng địa phương gọi là *bàu*). Các kiểu sinh cảnh đất ngập nước khác là rừng ngập nước theo mùa và các dòng chảy.

Hai vùng đất ngập nước rộng lớn nhất trong khu vực là Trảng Tà Nốt (11°39'N 105°51'E) và Trảng Tân Thanh (11°40'N 105°53'E) đều nằm ở phía bắc khu đặc dụng và tiếp giáp với biên giới quốc tế. Cả hai vùng đều có diện tích khoảng 250 ha và bao gồm các trảng sậy và lau lách với các diện tích rất nhỏ tràm gió (tràm cây bụi). Theo cán bộ và nhân dân địa phương, cả hai khu vực này đều ngập khoảng 5 tháng mỗi năm, từ tháng Chín/Mười đến tháng Giêng/Hai hàng năm. Trong thời gian điều tra, các vùng này bị ngập vào khoảng 50 cm sâu.

Phần lớn diện tích của Trảng Tà Nốt và Trảng Tân Thanh nằm ở bên ngoài khu đặc dụng và thuộc vùng quản lý của các đồn biên phòng. Trảng Tà Nốt đã bị chia cắt bởi đường lộ dọc biên và một con đường dân sinh mới được xây dựng nhằm mục đích ban đầu là đưa dân vào định cư bên trong các vùng đất ngập nước. Năm 2000, địa phương đã bắt đầu xây dựng một con kênh dẫn nước vào một phần vùng đất ngập nước nhằm mục tiêu cải tạo thành đất nông nghiệp. Đến giữa năm 2001, sau khi có những quyết định của lãnh đạo tỉnh với sự cân nhắc đúng đắn đến các giá trị sinh thái của vùng, việc xây dựng này đã được đình lại. Tuy nhiên, phần kênh đã đào xong hiện vẫn chưa được lấp lại và cùng phần nào gây ảnh hưởng đến thủy chế của vùng do làm tăng sự tiêu nước qua vùng đất ngập nước. Thêm vào đó, đồn biên phòng đang có kế hoạch cải tạo một phần của Trảng Tà Nốt nằm bên ngoài khu đặc dụng thành ao nuôi cá. Trảng Tân Thanh cũng bị chia đôi bởi đường lộ cặp biên, hiện cũng đang bị đe dọa bởi việc xâm lấn lấy đất làm nông nghiệp của người dân Cam-pu-chia và các đơn vị dân quân Việt Nam đang đóng tại các trạm gần khu vực này.

Các vùng đất ngập nước có diện tích tương đối lớn khác cũng được điều tra là Bàu Đưng Lớn (11°38'N 105°57'E) và Trảng Bà Đיע (11°31'N 105°56'E), đây là hai đầm có nước hầu như thường xuyên được bao bọc xung quanh bởi các trảng cỏ ngập nước theo mùa. Bàu Đưng Lớn rộng khoảng 30 ha, còn Trảng Bà Đיע rộng khoảng 300 ha. Cả hai vùng đất ngập nước này, và có lẽ hầu hết các vùng đất ngập nước khác chưa được điều tra trong chuyến này đều đang bị đe dọa do việc cải tạo đất để trồng rừng hoặc làm nông nghiệp.

Ngoài các vùng đất ngập nước đã đề cập ở trên, chuyến điều tra này còn tập trung vào ba vùng rừng khác là: Đa Ha (11°35'N 105°53'E) một vùng rừng bán thường xanh và rừng rụng lá trên đất thấp ít bị tác động, nằm dọc suối Sa Mát (Đa Ha). Tại vùng này, có thể quan sát thấy rất nhiều cây dầu lớn đã bị khoan để lấy nhựa. Tiểu khu số 17 (11°39'N 105°53'E) là nơi có rừng bán thường xanh lẫn với rừng rụng lá ngập nước theo mùa nằm xung quanh Trảng Bà Nốt và Trảng Tân Thanh. Và Tiểu khu số 25 (11°35'N 105°50'E) là nơi có nhiều diện tích rừng thường xanh đã bị tác động mạnh nằm ở phía tây của khu đặc dụng.

Trước năm 1993, khu vực này thuộc sự quản lý của các Lâm trường Hòa Hiệp và Tân Bình, do đó, việc khai thác chọn các sản phẩm gỗ đã được tiến hành trong toàn bộ khu vực. Thêm vào đó, khoảng mười năm về trước, các hoạt động khai thác trái phép của người dân diễn ra rất phổ biến mà lý do theo cán bộ và nhân dân địa phương báo cáo là vì ranh giới của khu đặc dụng chưa được xác định rõ ràng. Tuy nhiên, từ khi ranh giới khu đặc dụng được xác định và ban quản lý được thành lập, việc vi phạm các quy định quản lý bảo vệ rừng đã giảm đáng kể. Trên thực tế, hoạt động của ban quản lý và các đồn biên phòng đã hạn chế đến mức thấp các vi phạm quy chế quản lý bảo vệ rừng. Trong thời gian điều tra, chúng tôi quan sát được có ít nhất là 10 người dân Cam-pu-chia xâm nhập khu đặc dụng để đánh cá, chăn thả trâu bò và thu hái củi. Số người Việt Nam bắt gặp trong khu vực này ít hơn và thường là vào săn bắn hoặc kiếm củi. Với mức độ khai thác như hiện nay, các hoạt động này chưa trở thành các mối đe dọa nghiêm trọng đến các giá trị đa dạng sinh học của vùng.

Trong vài năm lại đây, đã có một số dân đến định cư trong khu đặc dụng tại Ấp Tân Nam, xã Tân Bình, dọc theo đường lộ từ thị trấn Tân Biên đến cửa khẩu Lò Gò. Theo người dân địa phương cho biết, những người này đã rời khỏi vùng trong thời kỳ xảy ra xung đột vũ trang dọc biên giới và hiện nay quay lại vùng đất cũ của họ. Tuy vậy, từ năm 2000 chỉ có khoảng 30 hộ dân sinh sống tại đây, đến tháng 10 năm 2001, số dân này đã tăng lên đến trên 100 hộ (theo lời ông Tùng, Phó Ban Quản lý Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát, 2001).

Trong chuyến điều tra nhanh vùng Lò Gò - Sa Mát tháng 12 năm 1999, Lê Trọng Trái và Trần Hiếu Minh (2000) đã ghi nhận thông tin truyền khẩu về sự tồn tại của Cá sấu nước ngọt *Crocodylus siamensis*, một loài bò sát đang bị đe dọa ở mức Tối Nguy cấp trên toàn cầu tại sông Vàm Cỏ, đoạn biên giới quốc tế với Cam-pu-chia về phía tây của khu đặc dụng. Tuy nhiên, báo cáo cũng khẳng định là loài này rất hiếm, chỉ tồn tại với số lượng nhỏ và rất ít khi quan sát được (Lê Trọng Trái và Trần Hiếu Minh 2000). Trong chuyến điều tra này, vì lý do an ninh, nhóm điều tra đã không thể tiến hành khảo sát ban đêm dọc theo sông Vàm Cỏ. Tuy nhiên, theo ông Tùng, Phó Ban Quản lý Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát, thì khoảng hơn một năm trước, bộ đội biên phòng cho biết, dân Cam-pu-chia có bắt được một con cá sấu ở sông Vàm Cỏ tại vùng thượng nguồn của khu đặc dụng, bên kia biên giới về phía Cam-pu-chia. Ông Tùng cho biết là không có thông tin nào mới hơn về loài này.

## 2.2 Chàng Riệc

Rừng Phòng hộ Chàng Riệc (11°35' đến 12°01'N và 106°00' đến 106°07'E) nằm trong địa phận huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Trước năm 1999, tổng diện tích của vùng rừng phòng hộ này rộng vào khoảng 16.000 ha. Đến năm 1999, 4000 ha rừng phòng hộ ở phía nam của khu vực này đã bị cải tạo thành đất nông nghiệp, chủ yếu là trồng mía. Do vậy, diện tích của vùng

rừng phòng hộ này chỉ còn 11.659 ha bao gồm 6510 ha rừng tự nhiên, 824 ha đất lâm nghiệp đang được quản lý cho tái sinh tự nhiên, 983 ha rừng trồng và 1456 ha đất mới được trồng rừng. Các loài cây lâm nghiệp được trồng chủ yếu ở vùng này là sao *Hopea* sp., dầu *Dipterocarpus obtusifolius* và téch *Tectona grandis* (Anon. 1999).

Mục tiêu quản lý của Rừng Phòng hộ Chàng Riệp là bảo vệ môi trường và phòng hộ biên giới (Anon. 1999). Ban quản lý rừng phòng hộ có sáu cán bộ biên chế và 41 nhân viên hợp đồng có nguồn lương từ kinh phí khoán quản lý bảo vệ rừng. Ngoài ra, ban quản lý còn ký hợp đồng khoán quản lý bảo vệ rừng với 341 hộ gia đình trong vùng. Tất cả các nguồn kinh phí hoạt động của ban quản lý đều lấy từ vốn chương trình 661.

Cũng như tại Lò Gò - Sa Mát, ban quản lý rừng phòng hộ cũng chỉ quản lý các diện tích rừng ở phía nam đường lộ cặp biên giới. Vùng giữa đường lộ và biên giới là nơi có các diện tích lớn đất ngập nước đang thuộc sự quản lý của các đồn biên phòng. Có rất ít diện tích rừng phía bên kia biên giới Cam-pu-chia, do đó, người dân Cam-pu-chia thường vượt biên giới sang khai thác các loại lâm sản bên phần lãnh thổ của Việt Nam.

Hầu hết các sinh cảnh ở Chàng Riệp đều tương tự ở Lò Gò - Sa Mát, bao gồm rừng nửa rụng lá và rừng rụng lá trên đất thấp, các vùng đồng cỏ ngập nước theo mùa và hàng loạt các kiểu sinh cảnh thứ sinh khác. Có điều, rừng ở Chàng Riệp bị tác động nặng nề hơn so với rừng ở Lò Gò - Sa Mát, nguyên nhân một phần có lẽ là do mật độ đường xá ở đây dày đặc hơn có thể xâm nhập hầu hết mọi nơi trong khu vực, trong khi đó việc áp dụng các quy chế quản lý bảo vệ rừng tại đây chưa được nghiêm ngặt. Khu vực này hầu như không có các diện tích đất ngập nước lớn, các vùng đất ngập nước đều bị tác động nặng nề bởi các hoạt động của con người.

Trong thời gian khảo sát thực địa, có ba vùng đất ngập nước đã được điều tra; trên loạt bản đồ do Nhà xuất bản Bản đồ ấn hành năm 1979, tỷ lệ 1:50.000, các vùng này được đánh dấu là Trapaeng Ang Khal, Beng Kas Andeth và Trapaeng Thnong. Trapaeng Ang Khal (11°43'N 106°02'E), dân địa phương gọi là *Trảng Ấng*, có diện tích là 20 ha và đã bị tác động tương đối mạnh. Beng Kas Andeth (11°41'N 106°00'E), nằm sát biên giới quốc tế có diện tích lớn hơn vào khoảng 100 ha. Vùng đất ngập nước này đã bị xẻ đôi bởi một con đường, và phần lớn diện tích nằm ở phía nam của con đường này hầu như đã bị phá hủy bởi hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng. Trapaeng Thnong (11°44'N 106°05'E), có diện tích khoảng 30 ha là vùng bị tác động nặng nề nhất trong ba vùng nói trên.

Trong khu vực Rừng Phòng hộ Chàng Riệp, có hai khu lịch sử lưu giữ các di tích của căn cứ Chính phủ Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Các khu lịch sử này hiện đang thuộc sự quản lý của Sở Văn hóa - Thông tin. Một khu nằm trong vùng Beng Kas Andeth; còn khu kia nằm sát với vùng Trapaeng Thnong. Tại cả hai khu vực này, việc phát triển các cơ sở hạ tầng đã được thực hiện mà không cân nhắc đến các yếu tố môi trường dẫn đến những diện tích lớn các sinh cảnh đất ngập nước đã bị phá hủy. Hiện nay vẫn còn các kế hoạch tiếp tục phát triển cơ sở hạ tầng cho hai khu này, điều này có thể sẽ dẫn đến có thêm các sinh cảnh đất ngập nước tiếp tục bị phá hủy.

Chàng Riệp ngăn cách với Lò Gò - Sa Mát bởi đường quốc lộ số 22 nối thành phố Hồ Chí Minh qua biên giới đến tỉnh Kampong Cham của Cam-pu-chia. Trên đoạn đường từ thị xã Tây Ninh đến cửa khẩu, hầu như hai bên đường đã hình thành các khu dân cư và các vùng canh tác nông nghiệp. Tuy nhiên, có một đoạn khoảng 5 km về phía nam của đường biên giới chưa có các khu định cư. Tại vùng này, Chàng Riệp và Lò Gò - Sa Mát ngăn cách nhau bởi một dải rừng cao su. Trong tương lai, có thể cải tạo đoạn này thành một dải rừng tự nhiên để tạo ra một hành lang sinh cảnh giữa hai khu vực. Còn đến thời điểm hiện tại, các sinh cảnh tự nhiên giữa hai khu vực này vẫn chưa liên tục.

### 3. Khu hệ chim

#### 3.1 Phương pháp

Các loài chim được điều tra bằng phương pháp quan sát và định loại qua tiếng kêu. Hàng ngày, chúng tôi tiến hành điều tra liên tục từ 6h00 đến 18h00, ngoại trừ ngày 11 tháng 10, chỉ điều tra trong vòng 30 phút tại Trảng Tà Nốt, và ngày 19 tháng 10, chỉ điều tra từ 6h30 đến 11h00 tại Tiểu khu 25. Việc điều tra được tiến hành theo các tuyến đi bộ, giữ im lặng quan sát và tiến hành quan sát tại các điểm cố định. Tối thiểu có một điểm quan sát được thực hiện tại mỗi vùng đất ngập nước chính đã được điều tra, mỗi điểm được tiến hành quan sát trong thời gian tối thiểu là 2 giờ.

Tại Lò Gò - Sa Mát, chúng tôi đã tiến hành thu thập dữ liệu về chỉ số phong phú tương đối của các loài chim khác nhau bằng các phương pháp theo tài liệu MacKinnon & Phillipps (2000). Phương pháp này đòi hỏi lập danh lục của 10 loài chim đầu tiên xác định được (bằng cả định loại qua quan sát và qua tiếng kêu) và sau đó lập đi lập lại với từng danh lục 10 loài tiếp theo., mỗi danh lục này bao gồm cả các loài mới hơn so với các loài đã ghi nhận trong các danh lục trước đó và cả các loài cũ. Để thu được dữ liệu chuẩn xác cho việc xây dựng đường cong phát hiện loài (species discovery curves), có mười danh lục 10 loài được thực hiện cho hai kiểu sinh cảnh chính là sinh cảnh đất ngập nước và sinh cảnh rừng. Chúng tôi không tiến hành thu thập dữ liệu cho các kiểu sinh cảnh đất ngập nước khác nhau. Tại Chàng Riệc, do thời gian điều tra không nhiều, danh lục 10 loài theo kiểu này đã không được thực hiện, việc điều tra chủ yếu nhằm tập trung xây dựng danh lục ban đầu cho các loài chim có phân bố ở khu vực.

Tại Lò Gò - Sa Mát, tại hai vùng trảng cỏ là Tà Nốt và Tân Thanh chúng tôi đã dành hai ngày để điều tra mỗi điểm, các vùng Trảng Bà Đיע, Bàu Đung Lớn, Tiểu khu 17 và vùng Đa Ha được điều tra trong một ngày mỗi điểm và vùng Tiểu khu 25 được điều tra trong nửa ngày. Tại Chàng Riệc, chúng tôi đã tiến hành điều tra Trapaeng Ang Khal, nửa ngày tại Beng Kas Andeth và nửa ngày tại Trapaeng Thnong. Các vùng khảm rừng bán thường xanh và thường xanh trên đất thấp gần với biên giới quốc tế (11°43'N 106°02'E) được điều tra trong thời gian một ngày. Ngoài ra, tại cả hai khu, các quan sát bất chợt cũng được tiến hành để thu thập số liệu dọc đường trong suốt thời gian điều tra.

Tại mỗi khu vực, chúng tôi đều tiến hành một số cuộc phỏng vấn với người dân địa phương để thu thập những thông tin tốt hơn về khu hệ chim của khu vực. Do hạn chế của phương pháp này (xem Timmins *et al.* 1999), chúng tôi chỉ tiến hành phỏng vấn cận kề về hiện trạng của các loài chim lớn, dễ nhận dạng, như các loài hồng hoàng, các loài sếu và các loài chim nước lớn.

#### 3.2 Kết quả

*Lò Gò - Sa Mát.* Tổng số có 132 loài chim đã được ghi nhận trong quá trình điều tra, trong đó có 2 loài (Hồng hoàng *Buceros bicornis* và Sếu cổ trụ *Grus antigone*) tạm thời được ghi nhận theo các thông tin phỏng vấn (Phụ lục 1). Kết hợp với kết quả điều tra trước đó của Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh (2000), Jonathan Eames (*chưa xuất bản* 2001) và Andrei Zinoviev (*chưa xuất bản* 2002), có thêm 45 loài chim không ghi nhận được trong chuyến điều tra này cũng đã được bổ sung (Phụ lục 1) đưa tổng số loài ghi nhận tại Lò Gò Sa Mát tính đến thời điểm hiện thời lên đến 177 loài.

Báo cáo của Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh (2000) có 4 loài (Gâm ghi lưng nâu *Ducula badia*, Rẻ quạt họng trắng *Rhipidura albicollis*, Sáo mỏ ngà *Acridotheres cristatellus* và Cành cạch lớn *Alophoxus pallidus*) là các loài không được liệt kê là có phân bố ở vùng Nam Bộ

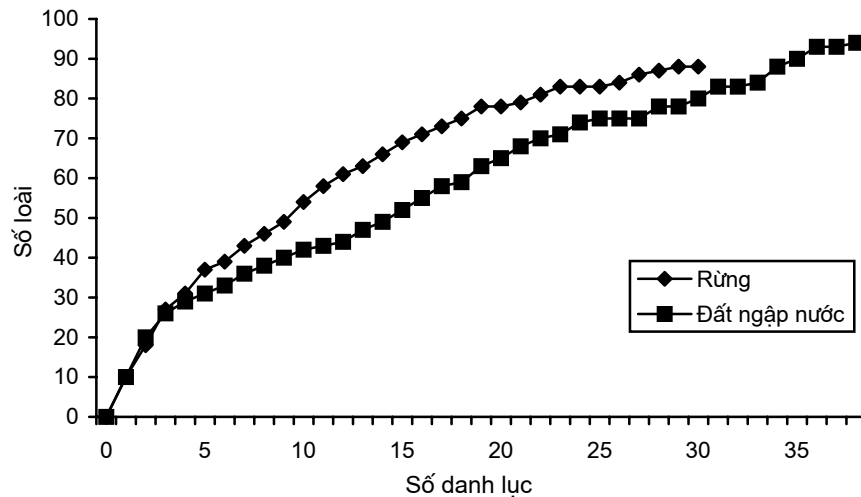
theo Robson (2000). Sự hiện diện của các loài này tại khu vực có thể coi là tạm thời, đặc biệt đối với hai loài Gâm ghi lưng nâu và Cành cạch lớn có hình dạng và bộ lông rất giống với hai loài đã được xác định trong chuyến điều tra này là Gâm ghi lưng xanh *D. aenea* và Cành cạch bụng hung *A. ochraceus*, và do đó có thể đưa ra khỏi danh lục nếu xác nhận là định loại nhầm (Phụ lục 1).

Trong 171 loài đã được khẳng định có phân bố tại Lò Gò - Sa Mát, 154 loài (90% tổng số loài) cũng có ghi nhận tại Vườn Quốc gia Nam Cát Tiên (Polet và Phạm Hữu Khánh 1999), là khu vực rừng trên đất liền đáng kể nhất còn lại ở vùng Nam Bộ đã được điều tra tương đối chi tiết về điều học. Điều này cho thấy mức độ tương ứng cao giữa hai khu vực và điều này cũng đã phần nào được dự đoán trước do Cát Tiên cũng có hầu hết các kiểu sinh cảnh tìm thấy ở Lò Gò - Sa Mát. Ngoại trừ tại các vùng rừng rụng lá trên đất thấp, kiểu sinh cảnh chỉ còn tìm thấy tại Lò Gò - Sa Mát; chúng tôi đã phát hiện 9 loài chim chỉ có ghi nhận tại Lò Gò - Sa Mát là Vẹt má xám *Psittacula eupatria*, Vẹt đầu hồng *P. roseata*, Hù trán trắng *Athene brama*, Cu xanh chân vàng *Treron phoenicoptera*, Diều xám *Butastur liventer*, Giẻ cùi *Urocissa erythrorhyncha*, Choàng choạc hung *Dendrocitta vagabunda*, Phường chèo nhỏ *Pericrocotus cinnamomeus* và Hút mật họng đen *Nectarinia asiatica* là các loài rất đặc trưng cho kiểu sinh cảnh mở hơn này (Robson 2000).

Trong chuyến điều tra, tổng số có 88 loài đã được ghi nhận tại các sinh cảnh rừng trong tổng số 30 danh lục (Hình 1). Loài ghi nhận được phổ biến nhất tại các sinh cảnh này là Cu rốc đầu xám *Megalaima faiostriata* (có mặt trong 15 danh lục, bằng 50% tổng số), Khướu đầu trắng *Garrulax leucolophus* (14 danh lục, 47%), Cu gáy *Streptopelia chinensis* (13 danh lục, 43%), Chèo bẻo xám *Dicrurus leucophaeus* (11 danh lục, 37%), Chèo bẻo cờ đuôi chẻ *D. paradiseus* (10 danh lục, 33%), Đớp ruồi xanh gáy đen *Hypothymis azurea* (10 danh lục, 33%), Vẹt ngực đỏ *Psittacula alexandri* (9 danh lục, 30%) Cu xanh mỏ quặp *Treron curvirostra* (8 danh lục, 27%).

Một số loài ghi nhận tại các sinh cảnh rừng như Cao cát bụng trắng *Anthracoceros albirostris*, Vẹt má xám, Gâm ghi lưng xanh và ba loài cu xanh *Treron* spp., được ghi nhận với chỉ số phong phú tại Lò Gò - Sa Mát cao hơn hầu hết các khu bảo vệ khác của Việt Nam. Do các loài kể trên đều là rất nhạy cảm với hoạt động săn bắn, sự phong phú của chúng chứng tỏ rằng sức ép săn bắn, đặc biệt là đối với các loài chim ở Lò Gò - Sa Mát là tương đối thấp.

Trong chuyến điều tra, có tổng số 94 loài được ghi nhận tại các sinh cảnh đất ngập nước trong tổng số 38 danh lục (Hình 1). Tổng số loài được ghi nhận ở các sinh cảnh đất ngập nước cao hơn so với các sinh cảnh rừng một phần là do con số thu được bao gồm cả các loài chim sống ở bìa rừng. Loài được ghi nhận phổ biến nhất tại các sinh cảnh đất ngập nước là Cu gáy (có trong 32 danh lục, hay 84% tổng số), Nhạn *Hirundo rustica* (22 danh lục, 58%), Chèo bẻo đen *Dicrurus macrocercus* (20 danh lục, 53%), Sả đầu nâu *Halcyon smyrnensis* (17 danh lục, 45%), Cò bọ *Ardeola* sp. (16 danh lục, 42%), Cò ruồi *Bubulcus ibis* (13 danh lục, 34%) và Sả rừng *Coracias bengalensis* (13 danh lục, 34%).



**Hình 1: Đường cong phát hiện loài ở các sinh cảnh rừng và đất ngập nước tại Lò Gò - Sa Mát**

Tổng số có 16 loài chim nước đã được ghi nhận trong chuyến điều tra Lò Gò - Sa Mát. Trong số đó, loài ưu thế nhất được ghi nhận là Cò nhạn *Anastomus oscitans* (số đếm được cao nhất là 120 cá thể tại Trảng Tà Nốt vào ngày 15/10/2001), Cò bọ *Adeola* sp. (số đếm được cao nhất là 39 cá thể tại Trảng Tân Thanh vào ngày 13/10/2001), Cò ruồi (số đếm được cao nhất là 24 cá thể tại Trảng Tân Thanh vào ngày 13/10/2001), và Le nâu *Dendrocygna javanica* (số đếm được cao nhất là 22 cá thể tại Trảng Tà Nốt vào ngày 13/10/2001).

Trong số 177 loài chim được ghi nhận tại Lò Gò - Sa Mát tính đến nay, bốn loài có tên trong *Danh sách Đỏ các loài Bị đe dọa Tuyệt chủng của IUCN* (IUCN 2000) ở các mức bị đe dọa hoặc sắp bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu và 8 loài có tên trong *Sách Đỏ Việt Nam* (Anon 1992). Ngoài ra, Lò Gò - Sa Mát còn là nơi sinh sống của 2 (Gà tiền mặt đỏ *Polyplectron germaini* và Chích chạch má xám *Macronous kelleyi*) trong số 3 loài có vùng phân bố hẹp được xác định cho Vùng Chim Đặc hữu (EBA) Vùng Đất thấp Nam Bộ (Stattersfield et al. 1998). Do đó, Lò Gò - Sa Mát cũng đáp ứng yêu cầu để đưa vào EBA này.

Trong số 8 loài chim có tên trong *Danh sách Đỏ các loài Bị đe dọa Tuyệt chủng của IUCN* (IUCN 2000) và *Sách Đỏ Việt Nam* (Anon 1992) ghi nhận tại Lò Gò - Sa Mát tính đến thời điểm hiện tại, bốn loài đặc trưng cho các sinh cảnh rừng (Gà lôi hồng tía *Lophura diardi*, Gà tiền mặt đỏ, Hồng Hoàng và Đuôi cụt bụng vạch *Pitta elliotii*) và bốn loài đặc trưng cho các sinh cảnh đất ngập nước (Sả mỏ rộng *Halcyon capensis*, Sếu cổ trụi, Cò nhạn và Hạc cổ trắng *Ciconia episcopus*). Do đó, nếu dựa trên các thông tin đã thu thập được, các sinh cảnh đất ngập nước ở Lò Gò - Sa Mát cũng có tầm quan trọng đối với công tác bảo tồn các loài chim ngang bằng với các sinh cảnh rừng.

*Chàng Riệp*. Có tổng số 75 loài chim đã được ghi nhận ở Chàng Riệp trong thời gian điều tra. Do thời gian điều tra thực hiện tại hai khu không ngang bằng nhau, ta không thể rút ra kết luận gì từ kết quả thực tế là số lượng loài ghi nhận tại Chàng Riệp thấp hơn Lò Gò - Sa Mát. Do hai khu này có điều kiện và độ đa dạng về sinh cảnh rất tương đồng, chúng tôi cho rằng tính đa dạng sinh học chung của hai khu cũng tương tự nhau. Trên thực tế, chỉ có 3 loài phát hiện được ở Chàng Riệp không có ghi nhận tại Lò Gò - Sa Mát, và điều này phản ánh là các điều tra chưa đủ để rà soát khắp mỗi điểm chứ không thể hiện sự khác nhau về thành phần loài của mỗi khu vực.

Một điểm khác biệt đáng chú ý nhất về khu hệ chim của hai khu này có thể thấy được là một số loài chim lớn và hiếm có ghi nhận ở Lò Gò - Sa Mát có vẻ không còn tồn tại tại Chàng Riệp

nữa. Trong khi đó, tại Chàng Riệc chỉ có một loài có tên trong *Sách Đỏ Việt Nam* (Anon 1992) và *Danh sách Đỏ các loài Bị đe dọa Tuyệt chủng của IUCN* (IUCN 2000).

Theo thông tin đã thu thập được, các sinh cảnh rừng ở Lò Gò - Sa Mát có thể là nơi có khu hệ chim rất phong phú, trong đó có cả một số loài chim rừng quan trọng như Hồng hoàng và Công *Pavo muticus* mà theo người dân địa phương thì mới biến mất khỏi vùng này do kết quả của việc săn bắn quá mức. Tuy nhiên, nhiều loài chim khác cũng rất nhạy cảm với sức ép săn bắn như Cao cát bụng trắng, Gà lôi hồng tía và Cu xanh mỏ quạp còn tương đối phổ biến cho thấy mối đe dọa của săn bắn đối với tính đa dạng sinh học, đặc biệt là đối với các loài chim ở khu vực còn tương đối thấp. Nếu hoạt động này được kiểm soát, số lượng quần thể của các loài kể trên vẫn đủ để phục hồi.

Các sinh cảnh đất ngập nước ở Chàng Riệc không quan trọng đối với công tác bảo tồn chim như ở Lò Gò - Sa Mát. Một số diện tích đất ngập nước ở đây đã bị cải tạo lấy đất làm nông nghiệp, những diện tích còn lại cũng đang bị đe dọa bởi các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng. Do vậy, trong thời gian điều tra, các loài chim nước quý hiếm có kích thước lớn hiện vẫn còn phân bố ở Lò Gò - Sa Mát đã không tìm thấy ở Chàng Riệc nữa, tuy nhiên cũng có thể các loài này sẽ đến Chàng Riệc vào các thời điểm khác trong năm. Do đó, điều rất cần phải làm trong thời điểm này là phải ngăn chặn không để mất thêm các sinh cảnh đất ngập nước và tiến hành nghiên cứu kỹ hơn để tìm hiểu tầm quan trọng của các sinh cảnh này đối với Chàng Riệc.

Ngoài việc mất sinh cảnh sống, mối đe dọa đáng chú ý nữa đối với tính đa dạng khu hệ chim ở Chàng Riệc là việc săn bắn. Do mật độ đường trong khu phòng hộ tương đối dày đặc, thợ săn có thể đi đến hầu hết các ngóc ngách của khu vực. Tuy hạt kiểm lâm và đồn biên phòng có quyền và nghĩa vụ kiểm soát việc săn bắn, nhưng công việc này chưa được thực hiện một cách chặt chẽ, việc săn bắn vẫn xảy ra một cách tự do mà không bị một hình phạt nào. Trong thời gian điều tra, chúng tôi thường xuyên gặp người đi săn, và không tính đến mức độ tập trung của hoạt động săn bắn, thì thật đáng ngạc nhiên là rất nhiều loài vốn rất nhạy cảm với săn bắn vẫn còn tồn tại trong khu vực. Săn bắn và nhiễu loạn đã là nguyên nhân dẫn đến sự biến mất của rất nhiều loài chim quan trọng trong khu vực, và nếu tiếp tục để như vậy không kiểm soát, một vài loài chim lớn hiện vẫn còn tồn tại tại Chàng Riệc cũng sẽ nhanh chóng biến mất khỏi khu vực này.

### **Ghi nhận các loài quan trọng**

#### **Gà lôi hồng tía *Lophura diardi***

*Lò Gò - Sa Mát.* Ngày 14/0/2001, một con trống và ba con mái được quan sát ở vùng rừng bán thường xanh ở Tiểu khu 17.

*Chàng Riệc.* Ngày 20/10/2001, một con trống được quan sát ở vùng rừng bán thường xanh, qua bên kia đường khoảng 1,5 km về phía đông bắc Beng Kas Andeth.

#### **Gà tiên mặt đỏ *Polyplectron germaini***

*Lò Gò - Sa Mát.* Vào lúc 13h00 ngày 17/10/2001, đã nghe được tiếng kêu của một cá thể duy nhất từ trong vùng rừng bán thường xanh gần Bàu Đưng Lớn. Đây cũng là ghi nhận duy nhất đối với loài trong chuyến điều tra. Do thời điểm điều tra không trùng với mùa sinh sản và đặc tính kín đáo của loài này, rất có thể Gà tiên mặt đỏ còn khá phổ biến tại Lò Gò - Sa Mát, tuy nhiên chỉ có một ghi nhận do chúng không kêu thường xuyên trong giai đoạn này. Cần phải tiến hành thêm các điều tra vào mùa sinh sản để thu thập thêm thông tin về hiện trạng và phân bố của loài tại Lò Gò - Sa Mát.

**[Hồng hoàng *Buceros bicornis*]**

*Lò Gò - Sa Mát.* Cán bộ tại các trạm bảo vệ rừng ở Lò Gò - Sa Mát đã khẳng định về sự có mặt của loài này, mà họ phân biệt rất rõ ràng với các loài niệc (*Bucerotidae*) khác. Họ cũng cho rằng Hồng hoàng hiếm hơn hẳn Cao cát bụng trắng và chỉ có ở những khu vực sâu bên trong rừng đặc dụng. Do nhóm điều tra không được phép ở lại quan sát đêm trong rừng vì lý do an ninh nên không thể đến các địa điểm như vậy để kiểm chứng về sự hiện diện của loài.

**Sả mỏ rộng *Halcyon capensis***

*Lò Gò - Sa Mát.* Quan sát được một cá thể của loài này tại Trảng Tân Thanh vào ngày 13 và 15/10/2001, và tại Bàu Đưng Lớn vào 17/10/2001.

**[Sếu cổ trụi *Grus antigone*]**

*Lò Gò - Sa Mát.* Bộ đội biên phòng đóng gần Trảng Tà Nốt thông báo rằng họ thấy 5 con Sếu cổ trụi vai vùng đồng cỏ này vào năm 1999. Ngày 16/04/2001, một con Sếu cổ trụi đeo thiết bị định vị vệ tinh được gắn khoảng 1 tháng trước đó ở Tràm Chim đã được xác định có mặt ở vị trí 11°39'N 105°51'E, đây chính là tọa độ của Trảng Tà Nốt ở Lò Gò - Sa Mát. Theo dữ liệu giám sát tín hiệu radio qua vệ tinh do Hội Bảo tồn Sếu Quốc tế (ICF) cung cấp, có thể loài này dừng lại ở Lò Gò - Sa Mát trên đường từ vùng trú đông ở Tràm Chim đến vùng sinh sản tại tỉnh Ratanakiri, Cam-pu-chia (*chưa xuất bản* Dorn Moores 2001). Không chắc là có nhiều cá thể khác cũng dừng chân ở Lò Gò - Sa Mát cùng với cá thể đã được đeo thiết bị phát sóng vệ tinh nói trên hay không.

**Đại bàng *Aquila* sp.**

*Lò Gò - Sa Mát.* Ngày 15/10/2001, đã quan sát được một cá thể Đại bàng *Aquila* sp. bay lượn trên trời ở vùng rừng rụng lá ngập nước ở Tiểu khu 17. Cá thể này được quan sát kỹ trong thời gian khoảng 1 phút khi nó đang lượn một đoạn dài dưới tán các cây gỗ. Dựa trên kích cỡ và hình dạng cánh, có thể khẳng định chắc chắn đây là 1 loài đại bàng *Aquila*. Tuy nhiên, do điều kiện quan sát không tốt, chúng tôi đã không thể tiến hành định loại tới loài. Căn cứ trên thông tin đã biết về vùng phân bố của các loài *Aquila*, loài này rất có thể là một trong hai loài Đại bàng đen *A. clanga* và Đại bàng đầu nâu *A. heliaca* (cả hai đều là loài đang bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu), ngoài ra khả năng có thể là Đại bàng hung *A. nipalensis* hoặc Đại bàng nâu *A. rapax* (cả hai đều là loài du cư ở khu vực Đông Nam Á) cũng không thể loại trừ. Vì vậy, không thể xét đoán định loại cụ thể cá thể này.

**Cò nhạn *Anastomus oscitans***

*Lò Gò - Sa Mát.* Trong khoảng thời gian từ 17h15 đến 17h45 ngày 11/10/2001, đã quan sát được hơn 30 cá thể Cò nhạn đến đậu trên một cây gỗ ở bìa rừng Trảng Tà Nốt. Cũng tại Trảng Tà Nốt, vào ngày 12/10/2001, vào lúc 14h30, đã quan sát được 70 cá thể bay lượn trên đồng cỏ ngập nước, 5 cá thể lượn vào lúc 15h40, và 27 cá thể được quan sát đang đậu vào lúc 17h30; tuy nhiên, không thể chắc chắn các lần quan sát này là các bầy khác nhau. Trong khoảng từ 6h30 đến 8h30 ngày 13/10/2001, đã quan sát được 47 cá thể tại Trảng Tà Nốt. Từ 6h40 đến 8h40 ngày 14/10/2001, quan sát được 2 cá thể ở Trảng Tân Thanh. Vào 17h30 ngày 15/10/2001, đã được quan sát và đếm được 120 con Cò nhạn đang đậu trên năm cây dâu ở bìa rừng Trảng Tà Nốt.

Do không quan sát được cá thể Cò nhạn nào đang kiếm ăn trong quá trình điều tra, không rõ là Cò nhạn kiếm ăn ở bên trong rừng đặc dụng, ở vùng đệm hay ở vùng biên giới quốc tế hoặc ở bên phần lãnh thổ Cam-pu-chia.

Tại văn phòng Ban Quản lý Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát, chúng tôi cũng quan sát được những phần còn lại của xác một con Cò nhạn vào ngày 11/10/2001. Theo Ban Quản lý cho biết, cán bộ bảo vệ rừng đã tịch thu con Cò nhạn này của thợ săn vào vài tháng trước.

Chỉ có một khu vực khác ở Việt Nam đã từng có ghi nhận về Cò nhạn là Vườn Quốc gia U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Ở đây có một vườn chim, nơi Cò nhạn là tổ sinh sản (Safford *et al.* 1997). Trong chuyến điều tra năm 1999, số đếm Cò nhạn cao nhất tại đây là 73 con (Buckton *et al.* 1999).

**Hạc cổ trắng (Khoang cổ) *Ciconia episcopus***

Lò Gò - Sa Mát. Trong chuyến điều tra của chúng tôi không ghi nhận sự có mặt của loài này. Tuy nhiên, một cá thể Hạc cổ trắng đã được quan sát tại Trảng Tà Nốt bởi Jonathan Eames vào ngày 30/01/2001 (*chưa xuất bản* J.C. Eames 2001).

**Đuôi cụt bụng vạch *Pitta elliotii***

Lò Gò - Sa Mát. Vào 18/10/2001, đã định loại được tiếng kêu của ít nhất 3 cá thể tại vùng rừng thường xanh Đa Ha.

**Chích chạch má xám *Macronous kelleyi***

Lò Gò - Sa Mát. Vào ngày 16/10/2001, đã quan sát được một cá thể đang ăn lẫn trong một đàn cùng với nhiều loài khác ở vùng rừng bán thường xanh ở Trảng Bà Điec.

**Các loài quan trọng chưa có ghi nhận**

**Gà so cổ hung *Arborophila davidi***

Lò Gò - Sa Mát được xác định là đáp ứng yêu cầu để đưa vào Vùng Chim Đặc hữu (EBA) Đất thấp Nam Bộ dựa trên sự có mặt của Gà tiền mặt đỏ và Chích chạch má xám. Tuy nhiên, không có vẻ Gà so cổ hung (loài có vùng phân bố hẹp còn lại của EBA này) có phân bố tại Lò Gò - Sa Mát do nơi đây không có các sinh cảnh phù hợp với loài là rừng lá rộng thường xanh và bán thường xanh, rừng tre nứa, rừng thứ sinh ở độ cao từ 140 - 250 m (Robsson 2000).

**Công *Pavo muticus***

Theo ông Dương Văn Tư, cán bộ Ban Quản lý Khu Di tích Lịch sử An ninh Trung ương Cục cho biết, loài Sắp Nguy cấp trên toàn cầu này trước đây có phân bố ở Chàng Riệc cho đến những năm 1994, 1995, nhưng đến nay đã hoàn toàn biến mất. Cán bộ Ban Quản lý và các trạm tại Lò Gò - Sa Mát cũng báo cáo là loài này không còn tồn tại trong vùng.

**Ô tác *Houbaropsis bengalensis***

Trong thời gian gần đây, tại Việt Nam chỉ có hai khu vực ở đồng bằng sông Cửu Long có ghi nhận về loài Sắp Nguy cấp trên toàn cầu này là Vườn Quốc gia Tràm Chim và vùng Đồng Hà Tiên (BirdLife International 2001). Cả Lò Gò - Sa Mát và Chàng Riệc đều có các sinh cảnh trảng cỏ ngập nước theo mùa là kiểu sinh cảnh phù hợp nhất với sự tồn tại của loài này (Robson 2000), và không có lý do nào hợp lý hơn để lý giải việc không có ghi nhận nào về loài này trong chuyến điều tra ngoài trừ mực nước có thể quá cao làm cho loài chim này không thể sử dụng được các sinh cảnh. Tuy nhiên, ngay cả trong mùa sinh sản của loài từ tháng Ba đến tháng Mười, mật độ quần thể của loài này thường thấp cộng với diện tích các sinh cảnh phù hợp không đủ lớn cũng cho thấy tại đây khó có thể tồn tại một quần thể lâu dài của loài Ô tác.

**Cò quăm cánh xanh *Pseudibis davisoni***

Chỉ có một vài ghi nhận của loài đang bị đe dọa ở mức Tối Nguy cấp trên toàn cầu tại vùng Đồng Hà Tiên và Vườn Quốc gia Cát Tiên (BirdLife International 2001). Trong điều kiện đặc điểm sinh thái của loài này còn chưa được nghiên cứu nhiều, Lò Gò - Sa Mát lại có kiểu sinh cảnh giống với sinh cảnh tại vị trí đã phát hiện Cò quăm cánh xanh tại Nam Cát Tiên: đất ngập nước trong vùng rừng bán thường xanh trên đất thấp. Do tại Đông Nam Á chưa phát hiện một

quần thể nào của loài này đủ lớn để tồn tại lâu dài, bất cứ ghi nhận nào về Cò quăm cánh xanh ở Lò Gò - Sa Mát đều mang ý nghĩa quốc tế.

### **Cò quăm lớn** *P. gigantea*

Không có ghi nhận nào về loài này tại Việt Nam kể từ năm 1931, rất có thể loài này đã tuyệt chủng tại Việt Nam hoặc ít nhất là không còn một quần thể sinh sản nào tại Việt Nam (BirdLife International 2001). Loài này hiện chỉ còn phân bố ở một số địa điểm rất rải rác ở các vùng đồng cỏ phía bắc và đông Cam-pu-chia (BirdLife International 2001), và có thể có một vài cá thể không sinh sản nào đó có tản mát đến Lò Gò - Sa Mát.

### **Bồ nông chân xám** *Pelecanus philippensis*

Gần đây có khá nhiều ghi nhận sự có mặt của các cá thể của loài này tại các vùng đất ngập nước phía nam Việt Nam, có thể khẳng định đây là các cá thể không sinh sản di trú qua Việt Nam từ các sân chim tại Cam-pu-chia (BirdLife International 2001). Do Lò Gò - Sa Mát có các sinh cảnh tương đối phù hợp với loài này, rất có thể loài này đôi khi di trú qua đây. Để khẳng định được giả thiết này, cần phải tiến hành điều tra các vùng đất ngập nước trong khu vực vào thời gian từ tháng Bảy đến tháng Chín.

### **Già đầy Java** *Leptopilos javanicus*

Tại Việt Nam, loài này rất hiếm khi làm tổ sinh sản. Quần thể của loài này tại Việt Nam ước tính có ít hơn 50 cá thể (BirdLife International 2001). Hiện mới biết vùng sinh sản của loài này tại hai khu là Vườn Quốc gia U Minh Thượng và Vườn Quốc gia Nam Cát Tiên (BirdLife International 2001). Tuy vậy, có thể còn một vài đôi đang sinh sống tại Lò Gò -Sa Mát do khu vực này có các sinh cảnh phù hợp với loài.

## **3.3. Kết luận**

Lò Gò - Sa Mát được xác định là một Vùng Chim Quan trọng (IBA) do đáp ứng được các tiêu chí sau:

**Tiêu chí A1: Khu vực thường xuyên có một số lượng cá thể đáng kể của các loài chim bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu hoặc loài đang được quan tâm bảo tồn trên toàn cầu.**

Căn cứ vào phạm vi các sinh cảnh hiện có tại khu vực, Lò Gò - Sa Mát chắc chắn còn một quần thể đáng kể Gà tiền mặt đỏ và Gà lôi hông tía. Hai loài bị đe dọa tuyệt chủng trên toàn cầu khác là Sếu cổ trụi và Hồng hoàng cũng tạm thời được ghi nhận trong chuyến điều tra này. Tuy nhiên, cần có thêm những điều tra chi tiết để xác định xem khu vực này có thường xuyên là nơi cư trú của một số lượng đáng kể các loài trên hay không. Thêm nữa, Lò Gò - Sa Mát có thể là nơi cư trú của một số loài bị đe dọa toàn cầu khác trong đó có loài ở cấp Tối Nguy cấp là Cò quăm cánh xanh. Tuy nhiên, cũng như trên, cần có thêm nghiên cứu để khẳng định sự có mặt của loài này.

**Tiêu chí A2: Khu vực được biết hay được cho là có một phần đáng kể của một nhóm loài có vùng sinh sản được xác định trong một EBA hoặc EBA thứ cấp.**

Lò Gò - Sa Mát được biết là nơi có quần thể của hai trong ba loài chim có vùng phân bố hẹp được xác định cho EBA Vùng Đất thấp Nam Bộ (Stattersfield *et al.* 1998) là Gà tiền mặt đỏ và Chích chạch má xám. Tuy nhiên, loài còn lại của EBA này là Gà so cổ hung hầu như chắc chắn không phân bố tại Lò Gò - Sa Mát do nơi đây không có các sinh cảnh phù hợp với loài này.

**Tiêu chí A3: Khu vực được biết hay được cho là có một phần đáng kể của một nhóm loài có vùng phân bố hầu như hoặc hoàn toàn chỉ nằm trong một đơn vị địa sinh học (biome).**

Mười loài chim ghi nhận tại Lò Gò - Sa Mát chỉ phân bố trong vùng địa sinh học Vùng Nhiệt đới Khô Indo-Malayan: Cu rốc bụng nâu *Megalaima lineata*, Vẹt đầu hồng, Cu xanh chân vàng, Diều xám, Chim khách *Crypsirina temia*, Phồng chèo nhỏ, Sáo sậu *Sturnus nigricollis*, Bông lau đầu đen *Pycnonotus aurigaster*, Bông lau tai vàng *P. blanfordi* và Sẻ bụi vàng *Passer flaveolus*.

Mười loài chim ghi nhận tại Lò Gò - Sa Mát chỉ phân bố trong vùng địa sinh học Rừng ẩm Nhiệt đới Đông Dương: Gà so ngực gụ *Arborophila chloropus*, Gà lôi hồng tía, Thầy chùa đất đỏ *Megalaima lagrandieri*, Cu rốc đầu xám, Đuôi cụt bụng vạch, Chèo béo mỏ quạ *Dicrurus annectans*, Đớp ruồi Hải Nam *Cyornis hainanus*, Sáo sậu đầu trắng *Sturnus burmannicus*, Bông lau họng vạch *Pycnonotus finlaysoni* và Cành cạch nhỏ *Iole propinqua*.

Sự có mặt của một số lượng lớn các loài từ hai vùng địa sinh học khác nhau tại Lò Gò - Sa Mát phản ánh tính chất khảm của hai kiểu rừng bán thường xanh trên đất thấp và rừng rụng lá trên đất thấp. Khu hệ chim tại đây chứa đựng các cấu phần đặc trưng cho cả hai kiểu sinh cảnh này.

## 4. Khu hệ thú

### 4.1. Phương pháp

Các loài thú được điều tra bằng phương pháp quan sát trực tiếp, định loại qua các dấu hiệu còn lại tại hiện trường, qua xác nhồi hoặc các cá thể đang bị nuôi nhốt và qua phỏng vấn người dân địa phương. Hàng ngày, chúng tôi tiến hành điều tra ngày từ 6h30 đến 15h00, và điều tra đêm từ 19h00 đến 23h00. Điều tra ngày tập trung vào việc tìm các loài thú ăn ngày và các dấu hiệu của thú ở hiện trường. Điều tra đêm tập trung vào việc rình quan sát các loài thú đêm. Tại Lò Gò - Sa Mát, việc điều tra thú được thực hiện tại các khu vực sau: Trảng Tà Nốt, Trảng Bà Điec và vùng Đa Ha. Tại Chàng Riệc, việc điều tra tập trung dọc theo đường lộ cặp biên giữa Sa Mát và cửa khẩu Chàng Riệc, và xung quanh trạm bảo vệ rừng Cầu 15 (14°41'N 106°00'E).

Tại cả Lò Gò - Sa Mát và Chàng Riệc, nhóm điều tra đều đã tiến hành phỏng vấn dân địa phương. Thông tin thu được từ những người trả lời phỏng vấn được bổ sung bằng việc tìm kiếm các sản phẩm săn còn lại (da, sừng, gạc...) và các loài đang bị nuôi nhốt.

#### *Danh sách những người trả lời phỏng vấn*

##### **Lò Gò - Sa Mát**

1. Ông Huỳnh Tấn Đạt, trạm bảo vệ rừng Đa Ha
2. Ông Nguyễn Văn Thân, trạm bảo vệ rừng Đa Ha
3. Ông Lâm Văn Tám, trạm bảo vệ rừng Đa Ha
4. Ông Trương Văn Chung, trạm bảo vệ rừng Đa Ha
5. Ông Nguyễn Văn Chinh, xã Tân Bình
6. Ông Lưu Văn Tài, xã Tân Bình
7. Ông Nguyễn Văn Nhất, xã Tân Bình
8. Ông Lương Văn Đa, xã Hòa Hiệp
9. Ông Lương Văn Lá, xã Hòa Hiệp

##### **Chàng Riệc**

1. Ông Cao La Kham, trạm bảo vệ rừng Cầu 15
2. Ông Dương Văn Tư, Ban Quản lý Khu Di tích Lịch sử An ninh Trung ương Cục
3. Ông Lê Văn Thọ, xã Tân Lập

### 4.2. Kết quả

Có tổng số 34 loài thuộc 18 họ, 7 bộ đã được ghi nhận trong suốt thời gian điều tra (Phụ lục 2). Trong số đó, 10 loài được liệt kê trong *Sách Đỏ Việt Nam* (Anon 1992) và tám loài có tên trong *Danh lục Đỏ các loài Bị đe dọa của IUCN 2000* (IUCN 2000) (Bảng 1).

Theo những người dân địa phương đã sống tại vùng này lâu năm, trước những năm 1970, Lò Gò - Sa Mát là một vùng rừng liên tục rộng lớn có một khu hệ thú rất đa dạng và phong phú. Vào thời kỳ này, nhiều loài thú lớn như Hổ *Panthera tigris*, Báo *P. pardus*, các loài Gấu *Ursus* spp., và Nai *Cervus unicolor* rất phổ biến tại khu vực. Tuy nhiên, do kết quả của việc mất sinh cảnh trên quy mô lớn và săn bắn tràn lan, các loài Hổ, Báo, Vượn *Hylobates* sp. và Sói đỏ *Cuon alpinus* hiện tại đã biến mất khỏi khu vực, còn Nai và Gấu chó *Ursus malayanus* đều trở nên cực kỳ hiếm.

**Bảng 1: Các loài thú có ghi nhận trong chuyến điều tra có tên trong Sách Đỏ Việt Nam và Danh lục Đỏ Các loài Bị đe dọa IUCN 2000**

Tên loài	Anon 1992	IUCN 2000
Chồn dơi <i>Cynocephalus variegatus</i>	R	
Cu ly lớn <i>Nycticebus coucang</i>	V	DD
Cu ly nhỏ <i>N. pygmaeus</i>	V	VU
Khỉ đuôi lợn <i>Macaca nemestrina</i>	V	VU
Khỉ đuôi dài <i>M. fascicularis</i>		NT
Voọc xám <i>Semnopithecus cristatus</i>		DD
Voọc vá chân đen <i>Pygathrix nemaeus nigripes</i>	V	EN
Gấu chó <i>Ursus malayanus</i>	E	DD
Chồn bạc má nam <i>Melogale personata</i>	R	
Mèo rừng <i>Felis chaus</i>	E	
Sóc bay đỏ lớn <i>Petaurista philippensis</i>	R	
Sóc bay đen trắng <i>Hylopetes alboniger</i>	R	EN

Ghi chú: E = Endangered - Nguy cấp; V = Vulnerable - Sắp Nguy cấp; R = Rare - Hiếm theo Anon. (1992); EN = Endangered - Nguy cấp; VU = Vulnerable - Sắp nguy cấp; NT = Near Threatened - Gần bị đe dọa; DD = Data Deficient - Không đủ thông tin theo IUCN (2000).

Kể từ khi ban quản lý rừng đặc dụng được thành lập, việc mất sinh cảnh rừng tại Lò Gò - Sa Mát hầu như đã ngừng hẳn. Tuy nhiên, sức ép săn bắn tuy được báo cáo là đã giảm nhưng thực tế thì mức độ này vẫn đang đe dọa đến sự tồn vong của quần thể nhiều loài thú tại khu vực. Chúng có của việc hoạt động săn bắn bằng súng và bẫy vẫn được quan sát trong suốt quá trình điều tra. Đơn cử, ngày 17/10/2001, chúng tôi đã chứng kiến một đoàn thợ săn bẫy được một con Cheo cheo *Tragulus javanicus* gần Bàu Đưng Lớn.

Tình trạng tại Chàng Riệp thậm chí còn tồi tệ hơn tại Lò Gò - Sa Mát. Thợ săn hầu như có thể đi đến mọi nơi trong khu vực mà không có sự kiểm soát nào. Trong thời gian điều tra, chúng tôi thường xuyên bắt gặp thợ săn đi săn vào ban ngày. Tại cả hai khu vực, vấn đề với săn bắn tràn lan đều có nguyên nhân do địa hình khu vực quá bằng phẳng, hệ thống đường phát triển có thể đi đến mọi góc ngách của vùng.

### **Ghi nhận các loài quan trọng**

#### **Cu ly nhỏ** *Nycticebus pygmaeus*

Lò Gò - Sa Mát. Vào ngày 8/10/2001, sau khi gặp một nhóm thợ săn rời khỏi khu rừng ở vùng Đa Ha, chúng tôi bắt gặp xác một con Cu ly nhỏ mới chết trên đường mòn trong rừng ở cùng khu vực. Ngoài ra, chúng tôi cũng gặp một con Cu ly nhỏ đang bị nuôi nhốt tại một hộ dân địa phương.

#### **Khỉ đuôi lợn** *Macaca nemestrina*

Lò Gò - Sa Mát. Vào ngày 18/10/2001, đã quan sát thấy một bầy khoảng 20 con ở vùng Đa Ha (11°34,154' N 105°52,751' E). Ngoài ra, ngay tại ban quản lý rừng đặc dụng cũng có nuôi một con Khỉ đuôi lợn.

#### **Khỉ đuôi dài** *Macaca fascicularis*

Lò Gò - Sa Mát. Bắt gặp một con đang được nuôi trong một hộ gia đình địa phương.

#### **Voọc vá chân đen** *Pygathrix nemaeus nigripes*

Lò Gò - Sa Mát. Cán bộ bảo vệ rừng cho biết loài này có phân bố ở vùng Đa Ha.

Chàng Riệp. Theo người dân địa phương cho biết, loài này hiện còn tồn tại tại đây.

**Voọc xám** *Semnopithecus cristatus*

Lò Gò - Sa Mát. Người dân địa phương cho rằng, loài này có phân bố ở đây.

**Gấu chó** *Ursus malayanus*

Chàng Riệc. Tại đồn biên phòng Sa Mát, chúng tôi đã thấy da của một con Gấu chó được biết đã bị bắn tại khu vực Rừng Phòng hộ Chàng Riệc khoảng bốn năm trước. Không có báo cáo trực tiếp nào về loài này từ người dân địa phương. Chắc chắn loài này đã rất hiếm tại cả Lò Gò - Sa Mát và Chàng Riệc hoặc thậm chí đã tuyệt diệt khỏi vùng phân bố cũ.

**Mèo rừng** *Felis chaus*

Lò Gò - Sa Mát. Người dân địa phương cho biết loài này hiện vẫn còn tồn tại tại Lò Gò - Sa Mát. Đây là loài có vùng phân bố tại Việt Nam hạn chế tại rất ít khu vực. Tại Tây Ninh, mới chỉ có các ghi nhận về loài này từ xa xưa (Đặng Huy Huỳnh *et al.* 1994).

**Sóc bay đen trắng** *Hylopates alboniger*

Lò Gò - Sa Mát. Chúng tôi đã phát hiện hai con Sóc bay đen trắng đang bị nuôi nhốt tại một nhà dân ở xã Hòa Hiệp. Theo chủ nhân cho biết, chúng được bắt từ rừng Lò Gò - Sa Mát.

**4.3. Kết luận**

Cả Lò Gò - Sa Mát và Chàng Riệc hiện còn có những diện tích đáng kể các sinh cảnh phù hợp với sự tồn tại của nhiều loài thú có tầm quan trọng bảo tồn, trong đó có Cu ly nhỏ, Khỉ đuôi lợn, Voọc vá chân đen và Sóc bay đen trắng. Tuy nhiên, do sức ép liên tục của hoạt động săn bắn tại cả hai khu, quần thể của các loài này đã bị thu hẹp một cách nghiêm trọng. Đặc biệt tại Chàng Riệc, săn bắn đang đe dọa làm tuyệt chủng các quần thể thú quan trọng còn lại trong vùng.

## 5. Kiến nghị

### 5.1. Lò Gò - Sa Mát

1. Mặc dù mức độ săn bắn tại Lò Gò - Sa Mát tương đối thấp so với tại Chàng Riệc, sự tồn vong của hầu hết các loài thú và chim quan trọng tại khu vực này đều rất mong manh dưới mối đe dọa này. Do đó, các hoạt động hiện tại của Ban Quản lý Rừng Đặc dụng để kiểm soát săn bắn bằng súng, ná và bẫy bắt các loài hoang dã cần được củng cố và tăng cường.
2. Các vùng đất ngập nước tại Lò Gò - Sa Mát đóng vai trò rất quan trọng trong công tác bảo tồn các loài chim do đây là nơi sinh sống của rất nhiều loài không tìm thấy ở các sinh cảnh khác. Các vùng đất ngập nước còn có giá trị kinh tế nhờ chức năng kiểm soát lũ lụt, điều tiết nước ra các dòng chảy trong mùa khô, cung cấp nguồn cá và các tài nguyên khác cho cộng đồng địa phương, và có giá trị tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái. Các vùng đất ngập nước cũng là kiểu sinh cảnh mỏng manh nhất tại Lò Gò - Sa Mát, chúng rất dễ bị thương tổn do các hoạt động cải tạo đất làm nông nghiệp, trồng cây gỗ hoặc bị thay đổi chế độ nước do việc xây dựng đường xá và kênh mương. Do vậy, tất cả các hoạt động nói trên cần phải nghiêm cấm tại các vùng đất ngập nước của khu vực.
3. Một diện tích đáng kể các vùng đất ngập nước quan trọng đang nằm ngoài ranh giới của Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát, giữa ranh giới của khu đặc dụng với đường biên giới quốc gia. Các vùng này đang thuộc sự kiểm soát của các đồn biên phòng và đều bị đe dọa bởi việc cải tạo đất làm nông nghiệp và ao nuôi thả cá. Nên lựa chọn để chuyển quyền quản lý các khu vực này sang ban quản lý rừng đặc dụng hoặc có những biện pháp bảo vệ nhằm ngăn chặn việc chuyển đổi đất ngập nước sang các dạng sử dụng đất khác.
4. Năng lực quản lý đất ngập nước của ban quản lý cần phải được nâng cao thông qua một chương trình đào tạo bao gồm cả các khóa học và đào tạo tại hiện trường bởi các chuyên gia về các nội dung quản lý đất ngập nước và giám sát sinh thái, cùng với việc cung cấp một số trang bị thiết yếu và các chuyến thăm học tập kinh nghiệm từ các khu khác đã và đang thực thi các biện pháp quản lý đất ngập nước hiệu quả, ví dụ như Vườn Quốc gia Cát Tiên.
5. Nếu các tổ chức và cá nhân có liên quan không đánh giá đúng về các giá trị đa dạng sinh học và kinh tế xã hội của các vùng đất ngập nước, nguy cơ các định hướng phát triển sẽ đi ngược với các mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học, như đưa dân vào định cư và cải tạo đất làm nông nghiệp, sẽ tạo sức ép lên khu vực. Do vậy, cần tiến hành nâng cao nhận thức về các giá trị đa dạng sinh học và kinh tế xã hội của các vùng đất ngập nước đối với mọi bên liên quan đến vấn đề quản lý khu Lò Gò - Sa Mát.
6. Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát hiện đang được quản lý như một Khu Văn hóa - Lịch sử, phân hạng quản lý này sẽ không tạo cơ sở bảo vệ tương đối với các giá trị đa dạng sinh học của khu vực. Là nơi có các giá trị đa dạng sinh học, kinh tế xã hội và lịch sử cao, có tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái và có vị trí thuận lợi, dễ đến, phân hạng quản lý rừng đặc dụng phù hợp nhất với Lò Gò - Sa Mát là Vườn Quốc gia. Do vậy, các cơ quan tỉnh cần xây dựng một kế hoạch đầu tư cho khu vực này để đệ trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Các cơ quan có thể cung cấp kỹ thuật để thực hiện kế hoạch đầu tư này có thể là Phân Viện Điều tra Quy hoạch Rừng Tp. Hồ Chí Minh, Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật và Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh.
7. Cần có các điều tra sâu hơn về khu hệ chim tại các vùng đất ngập nước của Lò Gò - Sa Mát, do các sinh cảnh này có thể là nơi sinh sống của hàng loạt các loài quan trọng hiện

chưa có ghi nhận nào tại khu vực như Bồ nông chân xám, Cò quăm cánh xanh hay Già đẫy Java. Điều tra thêm tại các sinh cảnh rừng có lẽ sẽ không cho thêm nhiều phát hiện quan trọng về khu hệ chim, tuy nhiên có thể giúp khẳng định sự có mặt của loài Hồng hoàng và cho phép đánh giá tình trạng và phân bố của Gà tiền mặt đỏ.

8. Cần có thêm các điều tra để xác định tình trạng và phân bố của các loài thú quan trọng tại khu vực, đặc biệt là các loài Voọc vá chân đen, Voọc xám, Mèo rừng và Sóc bay đen trắng. Nếu quần thể các loài này trong khu vực còn đủ lớn để tồn tại lâu dài, cần phải có ngay các biện pháp bảo tồn thích hợp bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức, tăng cường thực thi pháp luật để ngăn chặn việc săn bắn các loài này tại Lò Gò - Sa Mát.

## **5.2 Chàng Riệp**

1. Trong thời điểm hiện tại, săn bắn là mối đe dọa lớn nhất đến các quần thể động vật tại Chàng Riệp, đặc biệt là đối với các loài linh trưởng, Gà lôi hồng tía và Cao cát bụng trắng. Do đó, cần có ngay các biện pháp để kiểm soát hoạt động săn bắn như nâng cao nhận thức bảo tồn và thi hành nghiêm ngặt các quy định và luật pháp về quản lý bảo vệ rừng.
2. Trong tương lai, việc xuống cấp và mất sinh cảnh sẽ là mối đe dọa lớn nhất đối với tính đa dạng sinh học ở Chàng Riệp. Các mối đe dọa này đặc biệt nguy hiểm đối với các loài sống phụ thuộc vào sinh cảnh đất ngập nước vốn là các loài rất dễ bị ảnh hưởng bởi các xáo trộn. Do đó, cần có điều tra khám phá, lập bản đồ và có biện pháp quản lý thích đáng đối với tất cả các vùng đất ngập nước chính của khu vực.
3. Do tính tự nhiên của các sinh cảnh bị xáo trộn mạnh và sức ép săn bắn cao, thêm vào đó là tổng diện tích của khu vực tương đối bé, Chàng Riệp có lẽ chưa thích hợp để đề xuất xây dựng một phân hạng rừng đặc dụng. Tuy nhiên, nếu việc thực thi các quy định về quản lý bảo vệ rừng tại đây được thực hiện tốt hơn, các giá trị đa dạng sinh học của khu vực được gìn giữ và phục hồi, thì phân hạng quản lý cho khu vực cần được cân nhắc lại. Để làm được điều này, cần đảm bảo mọi kế hoạch xây dựng mới các công trình hạ tầng mới sẽ không được thực hiện nếu chưa có đánh giá tác động môi trường được thực hiện bởi một cơ quan độc lập.

## Tài liệu tham khảo

- Anon. (1992) [*Red data book of Vietnam, volume 1: animals.*] Hanoi: Science and Technics Publishing House. (In Vietnamese.)
- Anon. (1999) [*Rừng bảo vệ mtr và phòng hộ biên giới Chàng Riệc, tỉnh Tây Ninh.*] Tây Ninh: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Tây Ninh.
- BirdLife International (2001) *Threatened birds of Asia: the BirdLife International red data book.* Cambridge, U.K.: BirdLife International.
- BirdLife International and the Forest Inventory and Planning Institute (2001) *Sourcebook of existing and proposed protected areas in Vietnam.* Hanoi, Vietnam: BirdLife International Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute.
- Buckton, S. T., Nguyen Cu, Ha Quy Quynh and Nguyen Duc Tu (1999) *The conservation of key wetland sites in the Mekong Delta.* Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.
- Đặng Huy Huỳnh, Đào Văn Tiến, Cao Văn Sung, Phạm Trọng Ảnh và Hoàng Minh Khiên (1994) *Danh lục các loài thú ở Việt Nam.* Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học - Kỹ thuật.
- Inskipp, T., Lindsey, N. and Duckworth, W. (1996) *Annotated checklist of the birds of the Oriental Region.* Sandy, Bedfordshire: Oriental Bird Club.
- IUCN (2000) *2000 IUCN Red List of Threatened Species.* Gland and Cambridge: IUCN.
- Le Trong Trai and Tran Hieu Minh (2000) *A rapid field survey of Kalon Song Mao Nature Reserve (Binh Thuan province) and Lo Go-Sa Mat Nature Reserve (Tay Ninh province), Vietnam.* Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme and the Forest Inventory and Planning Institute.
- MacKinnon, J. R. and Phillipps, K. (2000) *A field guide to the birds of China.* Oxford: Oxford University Press.
- MARD (1997) [*Báo cáo Quy hoạch, Tổ chức và Quản lý Hệ thống Rừng Đặc dụng Việt Nam.*] Hà Nội: Bộ Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn.
- Polet, G. and Pham Huu Khanh (1999) *List of birds of Cat Tien National Park.* Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Publishing House.
- Robson, C. R. (2000) *A field guide to the birds of Thailand and South-East Asia.* Bangkok: Asia Books.
- Safford, R. J., Tran Triet, Maltby, E. and Duong Van Ni (1998) Status, biodiversity and management of the U Minh wetlands, Vietnam. *Tropical Biodiversity* 5(3): 217-244.
- Stattersfield, A. J., Crosby, M. J., Long, A. J. and Wege, D. C. (1998) *Endemic bird areas of the world: priorities for biodiversity conservation.* Cambridge, U.K.: BirdLife International.

Timmins, R. J., Do Tuoc, Trinh Viet Cuong and Hendrichsen, D. K. (1999) *A preliminary assessment of the conservation importance and conservation priorities of the Phong Nha-Ke Bang proposed national park, Quang Binh province, Vietnam*. Hanoi: Fauna and Flora International-Indochina Programme.

## Phụ lục 1: Danh lục các loài chim ghi nhận tại Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát và Rừng Phòng hộ Chàng Riệp

TT	Tên thường gọi	Bộ, Họ, Chi và loài	Lò Gò Sa Mát	Chàng Riệp	Ghi chú		
					1	2	3
		<b>Galliformes</b>					
		<b>Phasianidae</b>					
1	Đa đa	<i>Francolinus pintadeanus</i>	1,3,4	1			
2	Gà so ngực gụ	<i>Arborophila chloropus</i>	1,3	1			
3	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>	1,2,3,4	1			
4	Gà lôi hông tía	<i>Lophura diardi</i>	1,4	1	NT	T	
5	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	1		VU	T	RRS
		<b>Anseriformes</b>					
		<b>Dendrocygnidae</b>					
6	Le nâu	<i>Dendrocygna javanica</i>	1	1			
		<b>Turniciformes</b>					
		<b>Turnicidae</b>					
7	Cun cú lụng nâu	<i>Turnix suscitator</i>	3,4	1			
		<b>Piciformes</b>					
		<b>Picidae</b>					
8	Gõ kiến nhỏ đầu xám	<i>Dendrocopos canicapillus</i>	1,4				
9	Gõ kiến đen bụng trắng	<i>Dryocopus javensis</i>	4	1			
10	Gõ kiến xanh gáy vàng	<i>Picus flavinucha</i>	2,3				
11	Gõ kiến xanh bụng vàng	<i>P. vittatus</i>					
12	Gõ kiến vàng nhỏ	<i>Dinopium javanense</i>	1,4				
13	Gõ kiến vàng lớn	<i>Chrysocolaptes lucidus</i>	1,4				
14	Gõ kiến nâu cổ đỏ	<i>Blythipicus pyrrhotis</i>	3				
15	Gõ kiến đen họng trắng	<i>Hemicircus canente</i>	1				
		<b>Megalaimidae</b>					
16	Gõ kiến đen họng trắng	<i>Megalaima lagrandieri</i>	4				
17	Thầy chùa bụng nâu	<i>M. lineata</i>	1,2,4	1			
18	Thầy chùa đầu xám	<i>M. faiostricta</i>	1,2,3,4	1			
19	Cu rốc đầu đen	<i>M. australis</i>	1,4				
20	Cu rốc cổ đỏ	<i>M. haemacephala</i>	1,2				
		<b>Bucerotiformes</b>					
		<b>Bucerotidae</b>					
21	Cao cát bụng trắng	<i>Anthracoceros albirostris</i>	1,2,3,4	1			
22	[Hồng hoàng]	[ <i>Buceros bicornis</i> ]	5		NT	T	
		<b>Upupiformes</b>					
		<b>Upupidae</b>					
23	Đầu riu	<i>Upupa epops</i>	1,4				
		<b>Trogoniformes</b>					
		<b>Trogonidae</b>					
24	Nước bụng vàng	<i>Harpactes oreskios</i>	1				
		<b>Coraciiformes</b>					
		<b>Coraciidae</b>					
25	Sả rừng	<i>Coracias benghalensis</i>	1,2,4	1			
26	Yểng quạ	<i>Eurystomus orientalis</i>	1,2,4	1			
		<b>Alcedinidae</b>					
27	Bông chanh	<i>Alcedo atthis</i>	1,3	1			
28	Bông chanh đỏ	<i>Ceyx erithacus</i>	1				
		<b>Halcyonidae</b>					
29	Sả vằn	<i>Lacedo pulchella</i>	1,4				
30	Sả mỏ rộng	<i>Halcyon capensis</i>	1			T	

TT	Tên thường gọi	Bộ, Họ, Chi và loài	Lò Gò Sa Mát	Chàng Riệc	Ghi chú		
					1	2	3
31	Sả đầu nâu	<i>H. smyrnensis</i>	1,3,4	1			
32	Sả đầu đen	<i>H. pileata</i>	1,3				
		<b>Cerylidae</b>					
33	Bói cá nhỏ	<i>Ceryle rudis</i>	3				
		<b>Meropidae</b>					
34	Trâu lớn	<i>Nyctornis athertoni</i>	1,4				
35	Trâu đầu hung	<i>Merops orientalis</i>	1	1			
		<b>Cuculiformes</b>					
		<b>Cuculidae</b>					
36	Tìm vịt	<i>Cacomantis merulinus</i>	4				
37	Tu hú	<i>Eudynamis scolopacea</i>	2,3				
38	Phướn	<i>Phaenicophaeus tristis</i>	1,3,4	1			
		<b>Centropodidae</b>					
39	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i>	1,2,3,4	1			
40	Bìm bịp nhỏ	<i>C. bengalensis</i>	1,3	1			
		<b>Psittaciformes</b>					
		<b>Psittacidae</b>					
41	Vẹt lùn	<i>Loriculus vernalis</i>	1,4	1			
42	Vẹt má xám	<i>Psittacula eupatria</i>	1,2				
43	Vẹt đầu hồng	<i>P. roseata</i>	1,4				
44	Vẹt ngực đỏ	<i>P. alexandri</i>	1,2,3,4	1			
		<b>Apodiformes</b>					
		<b>Apodidae</b>					
45	Yến đuôi cứng lớn	<i>Hirundapus giganteus</i>	1	1			
46	Yến cọ	<i>Cypsiurus balasiensis</i>	1,3,4	1			
47	Yến hồng trắng	<i>Apus pacificus</i>	3				
		<b>Hemiprocnidae</b>					
48	Yến mào	<i>Hemiproctne coronata</i>	2	1			
		<b>Strigiformes</b>					
		<b>Strigidae</b>					
49	Cú vọ	<i>Glaucidium cuculoides</i>	1,2,4	1			
50	Hồ trăn trắng	<i>Athene brama</i>	2				
51	Cú vọ lưng nâu	<i>Ninox scutulata</i>	4				
		<b>Eurostopodidae</b>					
52	Cú muỗi mào	<i>Eurystopodus macrotis</i>	4				
		<b>Caprimulgidae</b>					
53	Cú muỗi đuôi dài	<i>Caprimulgus macrurus</i>	1	1			
		<b>Columbiformes</b>					
		<b>Columbidae</b>					
54	Cu gáy	<i>Streptopelia chinensis</i>	1,2,3,4	1			
55	Cu ngói	<i>S. tranquebarica</i>	1,4				
56	Cu lông	<i>Chalcophaps indica</i>	2,3,4	1			
57	Cu xanh đầu xám	<i>Treron vernans</i>	4				
58	Cu xanh khoang cổ	<i>T. bicincta</i>	1				
59	Cu xanh đuôi đen	<i>T. pompadora</i>	4				
60	Cu xanh mỏ quặp	<i>T. curvirostra</i>	1,3,4	1			
61	Cu xanh chân vàng	<i>T. phoenicoptera</i>	1				
62	Gâm ghì lưng xanh	<i>Ducula aenea</i>	1,2,4				
63	[Gâm ghì lưng nâu]	[ <i>D. badia</i> ]	3				
		<b>Gruiformes</b>					
		<b>Gruidae</b>					
64	[Sếu cổ trụi]	[ <i>Grus antigone</i> ]	5		VU	V	
		<b>Rallidae</b>					

TT	Tên thường gọi	Bộ, Họ, Chi và loài	Lò Gò Sa Mát	Chàng Riệc	Ghi chú		
					1	2	3
65	Gà nước họng nâu	<i>Rallina fasciata</i>	1				
66	Cuốc ngực trắng	<i>Amaurornis phoenicurus</i>	1,4				
67	Gà đồng	<i>Gallicrex cinerea</i>	1				
		<b>Ciconiiformes</b>					
		<b>Scolopacidae</b>					
68	Rẽ giun Á châu	<i>Gallinago stenura</i>	1				
		<b>Charadriidae</b>					
69	Te vàng	<i>Vanellus cinereus</i>	1				
70	Te vật	<i>V. indicus</i>	1,4				
		<b>Glareolidae</b>					
71	Đô nách nâu	<i>Glareola maldivarum</i>	1,4				
		<b>Accipitridae</b>					
72	Ó cá	<i>Pandion haliaetus</i>	1,3				
73	Diều mào	<i>Aviceda leuphotes</i>		1			
74	Diều ăn ong	<i>Pernis ptilorhynchus</i>	1,4	1			
75	Thầy bói, diều trắng	<i>Elanus caeruleus</i>	1,3,4	1			
76	Diều lửa	<i>Haliastur indus</i>	3				
77	Diều hoa Miến Điện	<i>Spilornis cheela</i>	1,3,4				
78	Diều đầu trắng	<i>Circus aeruginosus</i>	1	1			
79	Ứng Ấn Độ	<i>Accipiter trivirgatus</i>		1			
80	Ứng xám	<i>A. badius</i>	1,2,3,4	1			
81	Ứng Nhật Bản	<i>A. gularis</i>	4				
82	Diều cánh hung	<i>Butastur liventer</i>	1,4				
83	Đại bàng sp.	<i>Aquila sp.</i>	1				
84	Diều đầu nâu	<i>Spizaetus cirrhatus</i>	1,4				
		<b>Podicipedidae</b>					
85	Le hôi	<i>Tachybaptus ruficollis</i>		1			
		<b>Ardeidae</b>					
86	Cò ngàng nhỏ	<i>Egretta garzetta</i>	1,3	1			
87	Diệc xám	<i>Ardea cinerea</i>	1,3				
88	Diệc lửa	<i>A. purpurea</i>	1,2,3				
89	Cò ruồi	<i>Bubulcus ibis</i>	1,3,4				
90	Cò bợ	<i>Ardeola sp.</i>	1,2,3,4	1			
91	Vạc xám	<i>Nycticorax nycticorax</i>	3				
92	Cò lùn xám	<i>Ixobrychus sinensis</i>	1				
93	Cò đen	<i>Dupetor flavicollis</i>	1				
		<b>Ciconiidae</b>					
94	Cò nhận, Cò ốc	<i>Anastomus oscitans</i>	1			R	
95	Hạc cổ trắng, Khoang cổ	<i>Ciconia episcopus</i>	2			R	
		<b>Passeriformes</b>					
		<b>Pittidae</b>					
96	Đuôi cụt bụng vạch	<i>Pitta elliotii</i>	1			T	
		<b>Irenidae</b>					
97	Chim lam	<i>Irena puella</i>	1,3,4				
98	Chim xanh Nam Bộ	<i>Chloropsis cochinchinensis</i>	1,4	1			
99	Chim xanh trán vàng	<i>C. aurifrons</i>	1,4				
		<b>Laniidae</b>					
100	Bách thanh mày trắng	<i>Lanius cristatus</i>	1,4	1			
101	Bách thanh nhỏ	<i>L. collurioides</i>	1,4	1			
		<b>Corvidae</b>					
102	Giẻ cùi	<i>Urocissa erythrorhyncha</i>	1				
103	Choàng choạc hung	<i>Dendrocitta vagabunda</i>	1,4				
104	Chim khách	<i>Crypsirina temia</i>	1,4	1			

TT	Tên thường gọi	Bộ, Họ, Chi và loài	Lò Gò Sa Mát	Chàng Riệp	Ghi chú		
					1	2	3
105	Vàng anh Trung Quốc	<i>Oriolus chinensis</i>	1,3,4	1			
106	Vàng anh đầu đen	<i>O. xanthornus</i>	1,3,4	1			
107	Phường chèo xám lớn	<i>Coracina macei</i>	1,2,4	1			
108	Phường chèo xám	<i>C. melaschistos</i>	2,4	1			
109	Phường chèo trắng lớn	<i>Pericrocotus divaricatus</i>	4				
110	Phường chèo nhỏ	<i>P. cinnamomeus</i>	4				
111	Phường chèo đỏ lớn	<i>P. flammeus</i>	4				
112	Phường chèo đen	<i>Hemipus picatus</i>	1,4	1			
113	[Rẻ quạt họng trắng]	[ <i>Rhipidura albicollis</i> ]	3				
114	Chèo béo đen	<i>Dicrurus macrocercus</i>	1,3,4	1			
115	Chèo béo xám	<i>D. leucophaeus</i>	1,4	1			
116	Chèo béo mỏ quạ	<i>D. annectans</i>	1,4	1			
117	Chèo béo rừng	<i>D. aeneus</i>	1,3,4	1			
118	Chèo béo bờm	<i>D. hottentottus</i>	1,2,4	1			
119	Chèo béo cờ đuôi chẻ	<i>D. paradiseus</i>	1,2,3,4				
120	Đớp ruồi xanh gáy đen	<i>Hypothymis azurea</i>	1,4	1			
121	Thiên đường đuôi phướn	<i>Terpsiphone paradisi</i>	1	1			
122	Chim nghệ ngực vàng	<i>Aegithina tiphia</i>	4	1			
123	Chim nghệ lớn	<i>A. lafresnayei</i>	1,4	1			
124	Phường chèo nâu	<i>Tephrodornis gularis</i>	2,4				
		<b>Muscicapidae</b>					
125	Đớp ruồi nâu	<i>Muscicapa dauurica</i>	1,4	1			
126	Đớp ruồi Hải Nam	<i>Cyornis hainanus</i>	4				
127	Oanh lưng xanh	<i>Luscinia cyane</i>	1,4				
128	Chích chòe	<i>Copsychus saularis</i>	1,3	1			
129	Sẻ bụi đầu đen	<i>Saxicola torquata</i>	1,4				
130	Sẻ bụi đen	<i>S. caprata</i>	1				
		<b>Sturnidae</b>					
131	Sáo sậu	<i>Sturnus nigricollis</i>	1,3,4				
132	Sáo sậu đầu trắng	<i>S. burmannicus</i>	1,4				
133	Sáo nâu	<i>Acridotheres tristis</i>	1	1			
134	Sáo mỏ vàng	<i>A. cinereus</i>	3				
135	[Sáo mỏ ngà]	[ <i>A. cristatellus</i> ]	3				
136	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>	1,4	1			
		<b>Sittidae</b>					
137	Trèo cây trán đen	<i>Sitta frontalis</i>	3				
		<b>Hirundinidae</b>					
138	Nhạn bụng trắng	<i>Hirundo rustica</i>	1,2,4	1			
139	Nhạn bụng xám	<i>H. daurica</i>	3				
		<b>Pycnonotidae</b>					
140	Chào mào vàng đầu đen	<i>Pycnonotus atriceps</i>	4				
141	Chào mào vàng mào đen	<i>P. melanicterus</i>	1,3,4				
142	Chào mào	<i>P. jocosus</i>	3				
143	Bông lau đít đỏ	<i>P. aurigaster</i>	1,4	1			
144	Bông lau họng vạch	<i>P. finlaysoni</i>	1,4	1			
145	Bông lau tai vắn	<i>P. blanfordi</i>	1,4	1			
146	[Cành cạch lớn]	[ <i>Alophoixus pallidus</i> ]	3				
147	Cành cạch bụng hung	<i>A. ochraceus</i>	1,2,4	1			
148	Cành cạch nhỏ	<i>Iole propinqua</i>	4				
		<b>Cisticolidae</b>					
149	Chiên chiên đầu nâu	<i>Prinia rufescens</i>	4				
150	Chiên chiên lưng xám	<i>P. hodgsonii</i>	4				
151	Chiên chiên bụng vàng	<i>P. flaviventris</i>	4				

TT	Tên thường gọi	Bộ, Họ, Chi và loài	Lò Gò Sa Mát	Chàng Riệp	Ghi chú		
					1	2	3
152	Chiên chiên bụng hung	<i>P. inornata</i>	1	1			
		<b>Sylviidae</b>					
153	Chích dâm lầy nhỏ	<i>Locustella lanceolata</i>	1				
154	Chích đuôi dài	<i>Orthotomus sutorius</i>	1	1			
155	Chích bông cánh vàng	<i>O. atrogularis</i>	1,4	1			
156	Chích bụng trắng	<i>Phylloscopus schwarzi</i>	1				
157	Khướu đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>	1,2,4	1			
158	Chuối tiêu mỏ to	<i>Malacocincla abbotti</i>	4				
159	Chuối tiêu đất	<i>Pellorneum tickelli</i>	1,4				
160	Chuối tiêu ngực đỏm	<i>P. ruficeps</i>	1,4				
161	Chuối tiêu đuôi ngắn	<i>Malacopteron cinereum</i>	1,4	1			
162	Họa mi đất mỏ dài	<i>Pomatorhinus hypoleucos</i>	1				
163	Chích chạch má vàng	<i>Macronous gularis</i>	1,2,3,4	1			
164	Chích chạch má xám	<i>M. kelleyi</i>	1				RRS
165	Họa mi nhỏ	<i>Timalia pileata</i>	4	1			
166	Lách tách mày đen	<i>Alcippe grotei</i>	1,2,4				
167	Khướu bụi họng trắng	<i>Yuhina zantholeuca</i>	1				
		<b>Alaudidae</b>					
168	Son ca Đông Dương	<i>Mirafra marionae</i>	1,4				
		<b>Nectariniidae</b>					
169	Chim sâu lưng đỏ	<i>Dicaeum cruentatum</i>	1				
170	Hút mật bụng hung	<i>Anthreptes singalensis</i>	1,4	1			
171	Hút mật bụng vạch	<i>Hypogramma hypogrammicum</i>	1,4				
172	Hút mật họng hồng	<i>Nectarinia sperata</i>	1,4	1			
173	Hút mật họng tím	<i>N. jugularis</i>	1,4	1			
174	Hút mật họng đen	<i>N. asiatica</i>	4				
175	Hút mật đỏ	<i>Aethopyga siparaja</i>	1				
		<b>Passeridae</b>					
176	Sẻ bụi vàng	<i>Passer flaveolus</i>	4				
177	Sẻ nhà	<i>P. montanus</i>	1,3,4	1			
178	Chìa vôi sp.	<i>Motacilla sp.</i>	1				
179	Chim manh lớn	<i>Anthus rufulus</i>	1				
180	Dĩ cam	<i>Lonchura striata</i>	1,4				

Giới hạn loài, tên các bộ, họ theo Inskipp *et al.* (1996) trừ Gà so ngực gụ *Arborophila chloropus*, Lách tách mày đen *Alcippe grotei* và Son ca Đông Dương *Mirafra marionae*, theo Robson (2000). Tên Việt Nam theo Võ Quý và Nguyễn Cử (1995).

Lò Gò - Sa Mát: 1 = Theo ghi nhận của A. W. Tordoff và Lê Mạnh Hùng, 11-19/10/2001; 2 = Theo ghi nhận của J. C. Eames, 30/01/2001; 3 = Theo ghi nhận của Lê Trọng Trãi và Trần Hiếu Minh 25-29/12/1999; 4 = Theo ghi nhận của A. Zinoviev 18/10 - 9/11/2001; 5 = Thông tin từ dân địa phương có thể tin tưởng được theo ghi nhận của A. W. Tordoff và Lê Mạnh Hùng.

Chàng Riệp: 1 = Theo ghi nhận của A. W. Tordoff và Lê Mạnh Hùng, 19-22/10/2001.

Ngoặc vuông [ ] chỉ các loài ghi nhận tạm thời.

Ghi chú 1: VU = Sắp nguy cấp; NT = Gần bị đe dọa theo BirdLife International (2001).

Ghi chú 2: V = Sắp nguy cấp; R = Hiếm; T = Bị đe dọa theo Anon. (1992).

Ghi chú 3: RRS = Loài có vùng phân bố hẹp theo Stattersfield *et al.* (1998).

## Phụ lục 2: Danh lục các loài thú ghi nhận tại Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát và Rừng Phòng hộ Chàng Riệp

TT	Tên tiếng Việt	Bộ, Họ, Chi và loài	Tên địa phương	Nguồn dữ liệu	Ghi chú		
					1	2	3
		<b>Pholidota</b>					
		<b>Manidae</b>					
1	[Tê tê Java]	[ <i>Manis javanica</i> ]	Trút	I			+
		<b>Scandentia</b>					
		<b>Tupaiaidae</b>					
2	Nhen	<i>Dendrogale murina</i>	Nhen	O			++
		<b>Dermoptera</b>					
		<b>Cynocephalidae</b>					
3	[Chồn giới]	[ <i>Cynocephalus variegatus</i> ]	Cheo bay	I		R	+
		<b>Primates</b>					
		<b>Loridae</b>					
4	[Cu li lớn]	[ <i>Nycticebus coucang</i> ]	Cù lằn	I	DD	V	+
5	Cu li nhỏ	<i>N. pygmaeus</i>	Cù lằn	S	VU	V	++
		<b>Cercopithecidae</b>					
6	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca nemestrina</i>	Tâm vòng	O,S	VU	V	++
7	Khỉ đuôi dài	<i>M. fascicularis</i>	Khỉ đuôi dài	S	NT		+
8	[Voọc bạc]	[ <i>Semnopithecus cristatus</i> ]	Nhọ nổi	I	DD		+
9	[Voọc vá chân đen]	[ <i>Pygathrix nemaues nigripes</i> ]	Voọc đuôi trắng	I	EN	V	+
		<b>Carnivora</b>					
		<b>Ursidae</b>					
10	[Gấu chó]	[ <i>Ursus malayanus</i> ]	Gấu chó	S	DD	E	+
		<b>Mustelidae</b>					
11	[Chồn vàng]	[ <i>Martes flavigula</i> ]	Chồn núi	I			+
12	[Chồn bạc má nam]	[ <i>Melogale personata</i> ]	Chồn heo	I		R	++
13	[Dải cá]	[ <i>Lutra/Lutrogale/Aonyx</i> sp.]	Rái	I			+
		<b>Viverridae</b>					
14	[Cây giông]	[ <i>Viverra zibetha</i> ]	Chồn cao coc	I			+
15	[Cây hương]	[ <i>Viverricula indica</i> ]	Chồn lang lau	I			+
16	Cây vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	Chồn mướp	S			++
		<b>Herpestidae</b>					
17	Cây lồn	<i>Herpestes javanicus</i>	Chồn đen	O			++
		<b>Felidae</b>					
18	[Mèo ri]	[ <i>Felis chaus</i> ]	Mèo rừng	I		E	+
19	[Mèo rừng]	[ <i>Priailurus bengalensis</i> ]	Mèo rừng	I			+
		<b>Artiodactyla</b>					
		<b>Suidae</b>					
20	Lợn rừng	<i>Sus scrofa</i>	Heo rừng	T			++
		<b>Tragulidae</b>					
21	Cheo cheo Nam Dương	<i>Tragulus javanicus</i>	Cheo cheo	S			++
		<b>Cervidae</b>					
22	Nai	<i>Cervus unicolor</i>	Nai	S			+
23	Hoẵng	<i>Muntiacus muntjak</i>	Mang	S			+
		<b>Rodentia</b>					
		<b>Sciuridae</b>					
24	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	Sóc đen	O			+
25	Sóc bụng xám	<i>Callosciurus inornatus</i>	Sóc cây	O			++
26	Sóc chuột lửa	<i>Tamiops rodolphii</i>	Sóc chuột	O			++
27	Sóc mõm hung	<i>Dremomys rufigenis</i>	Sóc đất	O			+

TT	Tên tiếng Việt	Bộ, Họ, Chi và loài	Tên địa phương	Nguồn dữ liệu	Ghi chú		
					1	2	3
28	Sóc vằn lưng	<i>Menetes berdmorei</i>	Sóc	O			++
		<b>Pteromyidae</b>					
29	Sóc bay tai đen đuôi đậm	<i>Petaurista philippensis</i>	Chồn bay	O		R	+
30	Sóc bay đen trắng	<i>Hylopetes alboniger</i>	Sóc bay	S	EN	R	+
		<b>Muridae</b>					
31	Chuột nhắt nhà	<i>Mus musculus</i>	Chuột nhắt nhà	O			++
32	Chuột hương bé	<i>Niviventer fulvescens</i>	Chuột rừng	O			++
		<b>Hystricidae</b>					
33	Nhím đuôi ngắn	<i>Hystrix brachyura</i>	Nhím	S			+
		<b>Lagomorpha</b>					
		<b>Leporidae</b>					
34	Thỏ nâu	<i>Lepus peguensis</i>	Thỏ rừng	O			++

Tên tiếng Anh và tên khoa học theo Corbet and Hill (1992). Tên tiếng Việt theo Đặng Huy Huỳnh *et al.* (1994).

Ngoặc vuông [ ] chỉ các loài ghi nhận tạm thời.

Nguồn dữ liệu: O = Quan sát ngoài tự nhiên; S = phát hiện các phần cơ thể hoặc các cá thể bị bắt; T = phát hiện các dấu vết; I = ghi nhận qua phỏng vấn.

Ghi chú 1: EN = Nguy cấp; VU = Sắp nguy cấp; DD = Chưa đủ dữ liệu theo IUCN (2000).

Ghi chú 2: EN = Nguy cấp; VU = Sắp nguy cấp; R = Hiếm theo Anon. (1992).

Ghi chú 3: ++ = tương đối phổ biến; + = tương đối hiếm.

### **Phụ lục 3: Danh lục mẫu các loài lưỡng thê và bò sát tạm thời ghi nhận tại Rừng Đặc dụng Lò Gò - Sa Mát và Rừng Phòng hộ Chàng Riệp**

Các tiêu bản được liệt kê dưới đây được thu thập trong chuyến điều tra nhanh hiện đang được lưu giữ tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật. Việc phân loại các tiêu bản này mới là tạm thời.

#### **Lưỡng thê - Amphibians**

1. *Rhacophorus leucomystax*
2. *Kaloula pulchra*
3. *Bufo galeatus*

#### **Bò sát - Reptiles**

1. *Mabuya multifasciata*
2. *Hemidactylus frenatus*
3. *Enhydris enhydris*
4. *Ahaetulla prasina*
5. *Dendrelaphis pictus*
6. rắn chưa định loại được 1
7. rắn chưa định loại được 2
8. *Indotestudo elongata*
9. rùa chưa định loại được